

Số : 83/QĐ-THCSHL

Hòa Lợi, ngày 12 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý 3 năm 2022 của Trường Trung học cơ sở Hòa Lợi

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HÒA LỢI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ vào tình hình thu chi ngân sách của nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý 3 năm 2022 của trường Trường Trung học cơ sở Hòa Lợi (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ trưởng Tổ Văn phòng, Phòng Kế hoạch tài vụ và các phòng, ban có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- PGDĐT TX Bến Cát;
- Lưu VT, TC.



HIỆU TRƯỞNG

Trương Văn Trâm

TRƯỜNG THCS HÒA LỢI
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hòa Lợi, ngày 17 tháng 10 năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 3 NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Hòa Lợi công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 3 năm 2022 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 3 năm 2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	-			
II	Chi từ nguồn thu học phí được để lại	-	-		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.973.007.410	2.055.351.774	19%	
3	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.763.023.314	1.983.181.994	23%	110%
	Tiền lương	3.750.330.000	847.914.300		
6001	Lương theo ngạch, bậc	3.750.330.000	847.914.300		
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	212.160.000	70.200.000		
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	212.160.000	70.200.000		
	Phụ cấp lương	1.740.927.140	377.944.376		
6101	Phụ cấp chức vụ	67.050.000	17.433.000		
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	3.576.000	894.000		
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	998.704.309	223.562.535		
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	5.364.000	1.788.000		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	666.232.881	134.266.841		
	Phúc lợi tập thể	20.000.000	2.820.000		

6299	Chi khác	20.000.000	2.820.000		
	Các khoản đóng góp	1.114.724.574	256.271.758		
6301	Bảo hiểm xã hội	830.114.045	191.107.723		
6302	Bảo hiểm y tế	142.305.265	32.761.325		
6303	Kinh phí công đoàn	94.870.177	21.840.883		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	47.435.088	10.561.827		
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	41.893.200	70.500.000		
6404	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tư chủ		70.500.000		
6449	Chi khác	41.893.200			
	Thanh toán dịch vụ công cộng	185.589.600	14.274.330		
6501	Tiền điện	174.000.000	14.274.330		
6503	Tiền nhiên liệu	5.589.600			
6504	Rác sinh hoạt	6.000.000			
	Vật tư văn phòng	151.080.000	18.939.167		
6551	Văn phòng phẩm	45.080.000	6.448.061		
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	30.000.000			
6599	Vật tư văn phòng khác	76.000.000	12.491.106		
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	32.116.000	3.102.220		
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	5.400.000	198.220		
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	10.316.000	1.704.000		
6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	3.600.000			
6618	Khoản điện thoại	4.800.000	1.200.000		
6649	Khác	8.000.000			
	Công tác phí	159.000.000	74.547.670		
6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	55.000.000	40.412.670		
6702	Phụ cấp công tác phí	80.000.000	31.135.000		
6703	Thuê phòng nghỉ	12.000.000			
6704	Khoản công tác phí	12.000.000	3.000.000		
	Chi phí thuê mướn	280.336.000	46.400.000		
6751	Thuê phương tiện vận chuyển khác	30.000.000			
6757	Thuê lao động trong nước	47.736.000	22.230.000		

6758	Thuê đào tạo	30.000.000			
6799	Chi phí thuê mượn khác	172.600.000	24.170.000		
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	283.600.000	102.903.100		
6907	Nhà cửa	35.000.000			
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	30.000.000	54.855.000		
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	30.000.000	1.225.000		
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	188.600.000	46.823.100		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	669.044.000	96.951.473		
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	121.000.000	19.931.473		
7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	6.300.000			
7012	Sách, tài liệu chuyên môn				
7049	Chi khác	541.744.000	77.020.000		
	Mua sắm tài sản vô hình	30.000.000	-		
7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	30.000.000			
	Chi khác	91.622.800	413.600		
7756	Chi các khoản phí và lệ phí	1.689.600	413.600		
7757	Bảo hiểm cháy nổ	15.000.000			
7761	Tiếp khách	20.000.000			
7764	Chi lập quỹ khen thưởng theo chế độ quy định	15.600.000			
7799	Chi các khoản khác	39.333.200			
	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	600.000			
7854	Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy	600.000			
3.2	Kinh phí không thường xuyên	2.209.984.096	72.169.780	3%	9%
	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	13.500.000			
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	13.500.000			
	Các khoản đóng góp		3.739.320		
6301	Bảo hiểm xã hội		2.784.600		
6302	Bảo hiểm y tế		477.360		

6303	Kinh phí công đoàn		318.240		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp		159.120		
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	1.086.323.120	44.730.490		
6449	Chi khác	1.086.323.120	44.730.490		
	Thuê mướn	50.000.000	15.912.000		
6757	Thuê lao động trong nước		15.912.000		
6758	Đào tạo	50.000.000			
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	1.800.000			
7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	1.800.000			
	Chi khác	47.560.976	5.577.970		
7753	Chi khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh cho các đơn vị dự toán và cho các doanh nghiệp	47.560.976	5.577.970		
	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	1.000.000.000	2.210.000		
8006	Chi tinh giản biên chế	1.000.000.000			
	Chi hỗ trợ khác		2.210.000		
	Cấp bù học phí	10.800.000			
C	Tổng số thu, chi nguồn thu khác	663.200.000			
	Học phí	451.200.000			
	Canteen, giữ xe	212.000.000			
	Cộng	11.636.207.410	2.055.351.774		

Lập biểu

Phan Thị Xuân Tín

Phan Thị Xuân Tín

Hòa Lợi, ngày 17 tháng 10 năm 2022



Thủ trưởng đơn vị

Trương Văn Trâm

Trương Văn Trâm